TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ M'GAR** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/HNGĐ-ST
Ngày 17/01/2018
V/v: Ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hiền**.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **H Lum Niê**;

2/ Bà **Nguyễn Thị Hoài Bão**;

Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Trung -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thảo** – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 236/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20 /2017 /QĐST – HNGĐ ngày 29/12/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Tấn V, sinh năm 1981. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Trương Thị Ngọc D, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 10, xã EK, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Tấn V trình bày:

Anh Nguyễn Tấn V tự nguyện chung sống với chị Trương Thị Ngọc D từ năm 2006, đến năm 2007 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01/ 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng có cuộc sống bình thường như những gia đình khác tại xã BT, huyện KB nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị D có biểu hiện không chung thủy nên vợ chồng anh đã chuyển đến sinh sống tại thôn 10, xã EK, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng chung sống

được một thời gian thì chị D lại tiếp tục hay vắng nhà mà anh không biết đi đâu. Kể từ năm 2014 đến nay chị D thường bỏ nhà đi một thời gian ngắn lại về nhà, anh đã động viên, can ngăn nhưng chị D vẫn không thay đổi. Lần gần đây nhất là từ cuối tháng 9/2017 đến nay chị D lại bỏ nhà đi, thỉnh thoảng lại về thăm con. Nay mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, muốn được yên ổn làm ăn để nuôi dạy con chung nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh S, sinh ngày 09/3/2007, hiện anh V đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Tấn V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về Tố tụng: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định theo Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, giao thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và đương sự đúng thời hạn, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không thực hiện đầy đủ, đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật mà không có lý do chính đáng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 85, Điều 89, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án**:** Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là "Ly hôn và nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện CưM'gar đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho bị đơn là chị Trương Thị Ngọc

D nhưng chị D đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị D.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung khi giải quyết vụ án và nội dung tranh chấp:

Đối với việc áp dụng luật nội dung khi giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; căn cứ Điều khoản chuyển tiếp được quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án áp dụng luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

Về nội dung tranh chấp: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Tấn V và chị Trương Thị Ngọc D được tạo lập trên cơ sở hai bên tự nguyện, đăng ký kết hôn theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên là hôn nhân hợp pháp. Do vậy, quyền lợi và nghĩa vụ của các bên luôn được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do chị D hay bỏ nhà đi nhiều lần, không sinh sống cùng chồng, con để xây dựng gia đình trong thời gian dài nên anh V yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị D. Qua kết quả xác minh nhiều lần của Tòa án thì vợ chồng anh V, chị D có mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ lâu, chị D hay bỏ nhà đi nhiều lần rồi về thăm con. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V.

Về nuôi con chung: Xét nguyện vọng, yêu cầu được nuôi con chung của anh V là phù hợp phù hợp với nguyện vọng của cháu S, phù hợp quy định tại các Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

Về tài sản: Anh V không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Anh V phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 85, Điều 89; Điều 92, Điều 93; Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Nguyễn Tấn V được ly hôn chị Trương Thị Ngọc D.

Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Tấn V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thanh S, sinh ngày 20/3/2007cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Trương Thị Ngọc D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Anh Nguyễn Tấn V phải chịu 300.000đồng tiền án phí Ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng anh V đã nộp theo biên lai thu số: AA/2014/0042595 ngày 22/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM’gar.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND huyện Cư M’gar;
-Chi cục THADS huyện Cư M’gar;
-UBND xã BT, huyện KB.
-Đương sự;
-Lưu HS.

(đã ký)

Lê Thị Hiền